TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12-8-2025.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU

- Thành phần H đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ.

Các H thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Chí Công.

Ông Đào Việt Khái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, xã Cái Đôi Vàm, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, xã Cái Đôi Vàm, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 7 năm 2025 cùng các văn bản khác kèm theo, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Vào năm 1999 anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn, đến ngày 05/8/2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (nay là xã Cái Đôi Vàm, tỉnh Cà Mau). Trong quá trình chung sống giữa anh và chị T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, do đó anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Về con chung, có hai người tên là Nguyễn Văn Dương (giới tính nam), sinh năm

2000 và Nguyễn Thị Bé Lùng (giới tính nữ), sinh năm 2004, cả hai người con hiện đã thành niên và có khả năng tự lao động nên anh không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Đồng thời, cũng không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc anh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn chị T cư trú tại khóm A, xã Cái Đôi Vàm, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh H vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H và chị T là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân, anh H và chị T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân giữa anh H và chị T là hôn nhân hợp pháp. Anh H yêu cầu ly hôn với chị T vì anh H cho rằng quá trình chung sống giữa anh H và chị T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân giữa anh H và chị T không còn hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng mà không hàn gắn, đoàn tụ được nên anh H và chị T đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, từ đó anh H yêu cầu được ly hôn với chị T. Quá trình giải quyết vụ án, chị T không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh H cũng như không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận cho anh H ly hôn với chị T là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, có hai người tên là Nguyễn Văn Dương (giới tính nam), sinh năm 2000 và Nguyễn Thị Bé Lùng (giới tính nữ), sinh năm 2004. Cả hai người con hiện đã thành niên và có khả năng tự lao động nên không đặt ra xem xét.

[4] Anh H xác định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Chị T không có ý kiến về những vấn đề trên nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh H phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc H quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc H quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Văn H ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011325, ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Cà Mau nên anh Nguyễn Văn H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã Cái Đôi Vàm, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Huệ